

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/ DSST

Ngày: 20/04/2023

"V/v tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Đâu

2. Bà Phan Kim Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh

Đại diện VKSND thành phố Vinh tham gia phiên tòa:

Bà **Đậu Thị H** – Chức vụ: kiểm sát viên.

Ngày 20/04/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vinh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 134 /2022/DS - ST ngày 06/10/2022 về "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/DS - QĐ ngày 06/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T** - sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: **khối Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.**

Bị đơn: Chị **Lê Thị H1** – sinh năm 1977 (có đơn xin xử vắng mặt)

Trú tại: **khối A, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh T** trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà **Lê Thị H1**, nên ngày 04/10/2021 bà **H1** có đặt vấn đề với ông **T** để bán chiếc xe ô tô Hyundai nhãn hiệu Accent BKS 37A - 772.35. Hai bên thống nhất trị giá chiếc xe 500.000.000 đồng và có lập “hợp đồng mua bán ô tô, đặt cọc” với nội dung: Bên A (bên mua) **Nguyễn Thanh T**; Bên B (bên bán) **Lê Thị H1**... Bên B bán cho bên A chiếc xe trên giá 500.000.000 đồng..., bà **H1** giao xe cho ông **T**, ông **T** đã chuyển trả tiền cho bà **H1** đầy đủ qua tài khoản Ngân hàng (nhưng bà **H1** chưa giao giấy tờ xe). Ngày 07/10/2021, bà **H1** mượn ông **T** lại chiếc xe để đi lại. Do tin tưởng bà **H1** là cán bộ **Công an thành phố V** nên ông **T** đồng ý. Khi lấy xe, bà **H1** viết giấy mượn xe thời gian 1 tuần. Sau khi mượn xe lại thì bà **H1** không trả lại xe cho ông **T**. Ông **T** đã đòi nhiều lần nhưng bà

H1 xin khát. Sau đó, bà H1 cho biết xe ô tô đó mua hình thức trả góp nên đang thế chấp tại Ngân hàng và bà H1 đã bàn giao xe cho Ngân hàng xử lý nợ. Vì vậy, hai bên thống nhất hủy việc mua bán xe, bà H1 có trách nhiệm thanh toán lại cho ông T số tiền 500.000.000 đồng là tiền mua xe mà ông T đã trả cho bà H1. Ngày 27/10/2021 bà H1 gọi điện cho ông T để vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), mục đích đáo hạn Ngân hàng để tiếp tục vay tiền tại Ngân hàng trả cho ông T nên ông T đồng ý. Hai bên thống nhất vay thời hạn 10 ngày đến 12 ngày, bà H1 đã viết giấy vay tiền và chụp ảnh gửi qua Zalo cho ông T. Ông T chuyển tiền qua tài khoản của bà H1 theo số TK0101001214169 Ngân hàng TMCP N. Đến hạn bà H1 không trả lại các khoản tiền cho ông T như đã hứa. Ông T nhiều lần gặp bà H1 để đòi nợ nhưng bà H1 khát lần, khát lự, sau đó thì trốn tránh không gặp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 trả lại cho ông T số tiền số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tiền gốc (trong đó 500.000.000 đồng tiền mua bán xe ô tô và 500.000.000 đồng tiền vay) và tiền lãi suất theo mức lãi 8,9%/năm tính từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2023 mức lãi suất 8,9%/năm = 132.511.000 đồng trừ số tiền lãi suất bà H1 đã trả 70.000.000 đồng còn 62.511.000 đồng tiền lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị H1 vắng mặt nhưng bà H1 có bản tự khai trình bày: Do cần tiền và được anh S là bạn giới thiệu cho ông Nguyễn Thanh T để vay tiền. Ngày 04/10/2021 bà đã vay ông T số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận. Khi đó, ông T yêu cầu có tài sản cầm cố mới cho vay thì bà H1 có trao đổi với ông T là bà có chiếc xe ô tô mua trả góp nhãn hiệu Hyundai Accent BKS 37A -772.35, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng, ông T có cầm cố thì cầm. Ông T đồng ý và hai bên thống nhất hẹn thời gian trả tiền là 3 tháng đến 5 tháng, có tiền khi nào trả khi đó. Sau đó, ông T đưa cho bà tờ “hợp đồng mua bán ô tô, đặt cọc” để viết và ký vào, sau khi viết xong giấy đưa lại cho ông T, ông T đã chuyển số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) vào tài khoản của bà H1 tại Ngân hàng TMCP N số TK0101001214169. Bà đã giao xe cho ông T, ba ngày sau bà H1 có gọi điện cho ông T trao đổi mượn lại chiếc xe ô tô để đi lại, ông T đồng ý. Khi đến lấy xe bà H1 đã viết giấy mượn xe trong giấy ghi mượn thời hạn 1 tuần. Quá trình sử dụng xe do không trả được tiền hàng tháng cho Ngân hàng nên Ngân hàng thông báo thu hồi xe để xử lý nợ. Bà H1 đã bàn giao xe ô tô cho Ngân hàng. Ngày 27/10/2021, bà H1 tiếp tục vay ông T số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho khách, thời gian vay từ 10 ngày đến 15 ngày, ông T đồng ý cho vay và đưa ra mức lãi suất theo thỏa thuận. Sau khi vay do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa có tiền trả cho ông T đúng hạn. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 81.583.000 đồng tiền lãi suất theo mức 8,9%/năm thì bà H1 đồng ý nhưng cho

rằng đã trả được 60.000.000 đồng tiền lãi suất qua các biên lai chuyển ngày 13/12/2021 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 13/4/2022 số tiền 20.000.000 đồng và ngày 11/7/2022 trả số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó bà H1 có bản tự khai cho rằng sau khi vay đến nay vay bà đã trả được cho ông T 7 lần cụ thể ngày 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng, ngày 05/11/2021 số tiền 20.050.000 đồng, ngày 09/11/2021 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 13/12/2021 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 13/04/2022 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 10/07/2022 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 19/09/2022 số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền 320.000.000 đồng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh T cho rằng các khoản tiền bà H1 kê khai tại 7 biên lai chuyển tiền đó chưa đầy đủ trong đó có các khoản tiền bà H1 vay nhanh trả nhanh mà hai bên đã tất toán xong các khoản vay này đều thể hiện cụ thể tại sao kê tài khoản của Ngân hàng cụ thể ngày 14/10/2021 ông T cho bà H1 vay số tiền 350.000.000 đồng và bà H1 trả lại vào ngày 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng và ngày 25/10/2021 số tiền 172.000.000 đồng. Ngày 4/11/2021 ông T cho vay số tiền 70.000.000 đồng (nhờ anh Nguyễn Hữu D chuyển khoản) thì ngày 05/11/2021 bà H1 trả số tiền 20.050.000 đồng và ngày 09/11/2021 bà H1 trả 50.000.000 đồng. Như vậy, hai số tiền ngày 14/10/2021 và ngày 4/11/2021 hai bên đã tất toán với nhau xong không liên quan đến khoản tiền ông T đang khởi kiện. Vì vậy, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H1 trả lại số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 1/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm tháng 4/2023 mức lãi suất 8.9%/năm = 132.511.000 đồng trừ số tiền lãi suất bà H1 đã trả 70.000.000 đồng còn 62.511.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 1.062.511.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS nhân dân thành phố V đầy đủ, đúng quy định pháp luật, cấp, tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định ngày 04/10/2021 ông T chuyển cho bà H1 số tiền 500.000.000 đồng nội dung mua bán xe nhưng các bên đều thống nhất chuyển thành tiền vay và ngày 27/10/2022 chuyển cho vay số tiền 500.000.000 đồng cả hai lần đều có giấy tờ.

Bà **H1** đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi suất như ông **T** yêu cầu và đề nghị trừ đi 60.000.000 đồng tiền lãi suất đã trả, sau đó bà **H1** cho rằng đã trả cả tiền gốc và lãi suất số tiền 320.000.000 đồng đề nghị Tòa án xem xét. Ông **T** cho rằng giữa hai bên có nhiều khoản vay và đã thanh toán xong chỉ còn hai khoản tiền bà **H1** đang nợ nên ông khởi kiện yêu cầu bà **H1** trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 8.9%/năm tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy qua bản sao kê Ngân hàng của ông **T** xuất trình cũng như tài liệu Tòa án thu thập tại Ngân hàng thì có căn cứ việc hai bên vay, trả như ông **T** trình bày nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T**.

Về án phí : Buộc bà **H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa cho các bên đương sự. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự tự mình tham gia giải quyết hoặc có đơn xin vắng mặt nên đã đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Đây là vụ án kiện về hợp đồng vay tài sản giữa ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Lê Thị H1**. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông **Nguyễn Thanh T** vẫn giữ nguyên nội dung trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông **Nguyễn Thanh T** cho rằng ngày 03/10/2021 mua của bà **Lê thị H2** chiếc xe ô tô Hyundai nhãn hiệu Accent BKS 37A -772.35 trị giá 500.000.000 đồng, hai bên lập “hợp đồng mua bán ô tô, đặt cọc” sau ba ngày bà **H2** mượn lại chiếc xe để sử dụng và không trả lại nữa. Bà **Lê Thị H1** cho rằng đây không phải là mua bán xe mà là vay nợ việc ký “hợp đồng mua bán ô tô, đặt cọc” là biện pháp đảm bảo khoản vay. Người làm chứng là ông **Nguyễn Ánh S1** cũng cho rằng việc hai bên viết hợp đồng là để đảm bảo khoản vay chứ không phải giao dịch mua bán xe. Ông **T** cũng cho rằng sau khi bà **H1** mượn lại xe không trả thì hai bên đã thống nhất hủy “hợp đồng mua bán ô tô, đặt cọc” và chuyển thành tiền vay nợ nên ông mới khởi kiện yêu cầu bà **H1** trả lại số tiền 500.000.000 đồng mua xe ô tô mà ông đã chuyển ngày 04/10/2021 và số tiền vay 500.000.000 đồng ngày 27/10/2021. Tổng cộng số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ tháng 11/2021 đến khi xét xử sơ thẩm tháng 4/2023 mức lãi suất 8.9%/năm = 132.511.000 đồng, bà **H1** đã trả được 70.000.000 đồng nên còn 62.511.000 đồng. Tổng cộng số tiền 1.062.511.000 đồng. Bà **H1** cũng thừa nhận khoản vay 1.000.000.000 đồng và tiền lãi đã trả 60.000.000 đồng (ba biên lai

chuyển khoản ngày 13/12/2021 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 13/04/2022 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 10/07/2022 số tiền 10.000.000 đồng). Sau đó bà H1 đã gửi 7 biên lai chuyển tiền qua tài khoản cho ông T tổng số tiền 320.000.000 đồng (ngày 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng, ngày 05/11/2021 số tiền 20.050.000 đồng, ngày 09/11/2021 số tiền 50.000.000 đồng, ngày 13/12/2021 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 13/04/2022 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 10/07/2022 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 19/09/2022 số tiền 10.000.000 đồng) yêu cầu Tòa án xem xét. Ông T cho rằng ngoài số tiền 1.000.000.000 đồng mà ông khởi kiện thì ngày 14/10/2021 ông T cho bà H1 vay số tiền 350.000.000 đồng bà H1 chuyển trả hai lần vào 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng và ngày 25/10/2021 trả số tiền 172.000.000 đồng. Ngày 4/11/2021 ông T cho vay 70.000.000 đồng (qua TK anh Nguyễn Hữu D) thì ngày 05/11/2021 bà H1 trả số tiền 20.050.000 đồng và ngày 09/11/2021 bà H1 trả 50.000.000 đồng như vậy hai khoản vay ngày 14/10/2021 và ngày 04/11/2021 hai bên đã thanh toán xong. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà H1 vắng mặt nhưng bà H1 có bản tự khai, các biên lai chuyển tiền, đơn xin vắng mặt gửi Tòa án. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các khoản tiền hai bên khai nại không thống nhất nên Tòa án đã thu thập chứng cứ là sao kê tài khoản của ông T, bà H1 tại các Ngân hàng để đối chiếu thấy rằng từ ngày 04/10/2021 đến ngày 19/9/2022 giữa ông T và bà H1 có nhiều giao dịch qua Ngân hàng. Số tiền ông T chuyển cho bà H1 cụ thể ngày 04/10/2021 số tiền 500.000.000 đồng; ngày 14/10/2021 số tiền 350.000.000 đồng; ngày 27/10/2021 số tiền 500.000.000 đồng; ngày 04/11/2021 số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền bà H1 chuyển cho ông T cụ thể ngày 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng, ngày 25/10/2021 số tiền 172.000.000 đồng, ngày 05/11/2021 số tiền 20.050.000 đồng, ngày 09/11/2021 số tiền 50.000.000 đồng; ngày 13/12/2021 số tiền 30.000.000 đồng, ngày 13/04/2022 số tiền 20.000.000 đồng, ngày 10/07/2022 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 19/09/2022 số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, qua đối chiếu các khoản tiền chuyển đi, chuyển lại giữa ông T, bà H1 thì khoản tiền 350.000.000 đồng ông T chuyển cho bà H1 ngày 14/10/2021 được bà H1 chuyển lại vào ngày 14/10/2021 số tiền 180.000.000 đồng, ngày 25/10/2021 số tiền 172.000.000 đồng và số tiền 70.000.000 đồng ông T chuyển ngày 04/11/2021 được bà H1 chuyển lại vào ngày 05/11/2021 số tiền 20.050.000 đồng, ngày 09/11/2021 số tiền 50.000.000 đồng. Bà H1 xuất trình 7 biên lai chuyển tiền với số tiền 320.000.000 đồng nhưng thực chất bà H1 đã chuyển khoản cho ông T 8 lần số tiền 492.050.000 đồng. Các biên lai chuyển tiền này đều phù hợp với tài liệu thu thập tại Ngân hàng. Như vậy, hai khoản tiền chuyển ngày 14/10/2021 và 04/11/2021 này đã được hai bên tất toán với nhau như lời trình bày của ông T là phù hợp, nên yêu cầu khấu trừ tiền gốc của bà H1 là không có căn cứ. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu bà H1 trả lại số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (500.000.000 đồng ngày

04/10/2021 và 500.000.000 đồng ngày 27/10/2021) được hai bên thừa nhận là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi suất: Ông **T** yêu cầu bà **H1** trả tiền lãi suất theo quy định tại Ngân hàng là 8,9%/1 năm và tính từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/4/2023). Bà **H1** chấp nhận mức lãi suất này và yêu cầu trừ số tiền 60.000.000 đồng lãi suất đã trả. Xét thấy, yêu cầu lãi suất của ông **T** là có cơ sở nên chấp nhận $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 8,9\%/1 \text{ năm} \times (01/11/2021 \text{ đến } 20/4/2023) = 132.511.000 \text{ đồng}$. Qua đối chiếu vào tài liệu chứng cứ, cũng như ông **T** thừa nhận thì bà **H1** đã thanh toán được số tiền 70.000.000 đồng lãi suất nên cần buộc bà **H1** tiếp tục trả cho ông **T** tiền lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/4/2023) là 62.511.000 đồng.

Về án phí: Bà **Lê Thị H1** phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 147, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 BLTTDS 2015; điều 463, điều 464, điều 465, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự; điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về lệ phí, án phí xử:

Buộc bà **Lê Thị H1** phải thanh toán cho ông **Nguyễn Thanh T** số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) tiền gốc và 62.511.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm mười một ngàn đồng) tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền 1.062.511.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí: Buộc bà **Lê Thị H1** phải chịu 43.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông **Nguyễn Thanh T** số tiền 22.000.000 đồng tạm ứng án phí hiện có tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo BL 0010310 ngày 05/10/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận

- VKSND TP Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

Lê Thị Hải Y